

Quyết định tái thẩm

Số: 43/2024/DS-TT

Ngày 14-6-2024

*Vụ án: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc
và yêu cầu trả lãi chậm trả”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự.

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường và ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án: *“Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và yêu cầu trả lãi chậm trả”*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Đình T.

Địa chỉ: số A đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2.

Địa chỉ: tầng B, tòa nhà V, số A đường K, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hữu T1.

Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN THẤY;

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Trần Đình T trình bày:

Ngày 09/7/2021, ông T ký Hợp đồng số 12078969/HDDV/NHANH/2021 với Công ty TNHH T2 để đặt cọc thuê dịch vụ cấp phép về Việt Nam; bố trí địa điểm cách ly tập trung, thuê xe vận chuyển khách từ sân bay về nơi cách ly; đặt vé máy Pháp - Việt Nam; xét nghiệm PCR 03 lần tại Việt Nam; chi phí ở khách sạn cách ly 21 ngày (bao gồm ăn 03 bữa/ngày) và thư giải cứu của Đ, giấy phép được transit tại Pháp lên máy bay về Việt Nam, lịch dự kiến về Việt Nam ngày 16/7/2021. Số tiền đặt cọc: 78.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng này, ông T đã thanh toán số tiền đặt cọc theo hợp đồng và thanh toán tiền đặt cọc thay cho ông Nguyễn Hữu T1 theo các hợp đồng đã ký kết, tổng số tiền đã thanh toán cho Công ty T2 số tiền đặt cọc là 156.000.000 đồng.

Về việc thanh toán, do lúc chuyển tiền vào tài khoản do Công ty T2 cung cấp thì hệ thống báo lỗi sai số tài khoản nên theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký, ông T chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của bà Trần Thị Hoàng A (Công ty TNHH T2), việc thanh toán chia làm 02 đợt:

Đợt 1: Ngày 09/7/2021, chuyển số tiền 90.000.000 đồng vào tài khoản số 080178889999 của bà Trần Thị Hoàng A tại Ngân hàng TMCP Q (MB)- Nội dung "*Coc tran dinh tung nguyen huu trong*";

Đợt 2: Ngày 13/7/2021, ông T chuyển tiếp số tiền 66.000.000 đồng vào tài khoản số 3080178889999 của bà Trần Thị Hoàng A tại Ngân hàng TMCP Q (MB) - Nội dung "*Coc tran dinh tung nguyen huu trong*", do lúc này ông T thay đổi kế hoạch chưa về Việt Nam được nên ông T và Công ty N đã thỏa thuận là vẫn giữ nguyên Hợp đồng đặt cọc nhưng thay thông tin của ông T bằng người khác (bạn ông T) sẽ được làm các thủ tục về Việt Nam.

Sau khi ký hợp đồng, ông T đã thanh toán tiền cọc, nhưng thực tế Công ty TNHH T2 đã không thực hiện đúng cam kết dịch vụ. Đến ngày dự kiến bay về Việt Nam là 16/7/2021 thì thông báo dời chuyến bay và lấy nhiều lý do khác như không có vé, dời lịch bay về Việt nam kéo dài, trì hoãn nhiều lần không thực hiện dịch vụ, ông T đã yêu cầu hoàn trả tiền nhưng Công ty TNHH T2 vẫn không thực hiện.

Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, ông Trần Đình T yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn buộc:

1. Công ty TNHH T2 phải hoàn trả số tiền đặt cọc đã nhận là 156.000.000 đồng;

2. Công ty TNHH T2 phải trả cho ông T số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 16/7/2021 đến ngày 16/12/2021 (153 ngày). Số tiền: $156.000.000 \times 10\%/năm \times 153 \text{ ngày} = 6.539.178 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 162.539.178 đồng.

Bị đơn Công Ty TNHH T2 đã được tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 328, Điều 468, Điều 365 Bộ luật Dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và yêu cầu trả lãi chậm trả của ông Trần Đình T đối với Công ty TNHH T2.

Buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho ông Trần Đình T số tiền nhận cọc là 156.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 19/7/2021 đến ngày

26/7/2022 là 15.899.178 đồng. Tổng cộng 171.899.178 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Báo cáo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm số 1312/BC-KNGĐT-DS-P9, đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, với lý do việc xác lập Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty T2 với ông Trần Đình T là một trong những hành vi dùng thủ đoạn gian dối của bà Trần Thị Hoàng A – Giám đốc Công ty T2, để lấy lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản của ông T.

Tại Quyết định kháng nghị số 45/QĐ-VKS-DS ngày 10/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về kết quả thi hành án đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn thông báo:

- Về phần hoàn tiền tạm ứng án phí, thi hành án đã hoàn trả xong cho ông Trần Đình T tiền tạm ứng án phí 4.064.000đ.

- Công ty TNHH T2 chưa thi hành khoản tiền án phí phải nộp: 8.594.958đ.

- Về phần trả nợ, Chi cục chưa nhận đơn yêu cầu thi hành án để thi hành.

Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị tái thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và yêu cầu trả lãi chậm trả*” giữa nguyên đơn là ông Trần Đình T với bị đơn là Công ty TNHH T2, Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho ông Trần Đình T số tiền nhận cọc là 156.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 19/7/2021 đến ngày 26/7/2022 là 15.899.178 đồng, tổng cộng là 171.899.178 đồng.

[2] Sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng có hiệu lực, ngày 26/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 88/QĐ-CSĐT-KT và Quyết định khởi tố bị can số 202/QĐ-CSĐT-KT đối với bà Trần Thị Hoàng A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Kết quả điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Đà Nẵng đã xác định: bà Trần Thị Hoàng A làm việc trong lĩnh vực dịch vụ du lịch từ năm 2018. Đến khoảng cuối năm 2020, do làm ăn thua lỗ, nợ nần và

thấy tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra, có nhiều người Việt Nam ở nước ngoài có nhu cầu về nước, bà Trần Thị Hoàng A nảy sinh ý định thành lập Công ty để lấy pháp nhân nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Bà Trần Thị Hoàng A đưa thông tin gian dối về việc nhận đặt phòng khách sạn, đặt tour du lịch, nhận làm giấy phép cho khách sạn được phép đón khách cách ly y tế để nhận và chiếm đoạt tiền của các bị hại sử dụng cá nhân.

[4] Quá trình điều tra xác định, với thủ đoạn trên, từ tháng 6/2021 đến tháng 12/2022, bà Trần Thị Hoàng A thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại, tổng số tiền 1.445.770.000đ; trong đó, có hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt*” của ông Trần Đình T số tiền 156.000.000 đồng.

[5] Khi giải quyết vụ án dân sự, Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, ông Trần Đình T, ông Nguyễn Hữu T1 không biết về hành vi lừa đảo của bà Trần Thị Hoàng A.

[6] Kết luận điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Đà Nẵng xác định bà Trần Thị Hoàng A lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Đình T số tiền 156.000.000 đồng là tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và đình chỉ giải quyết vụ án.

[7] Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo Trần Thị Hoàng A 14 (mười bốn) năm tù; về phân trách nhiệm dân sự liên quan đến người bị hại ông Trần Đình T, Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên: “*Đối với số tiền chiếm đoạt của ông Trần Đình T buộc bị cáo thi hành theo Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của TAND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, được trừ số tiền bị cáo đã bồi thường là 10 triệu đồng*”.

[8] Sau khi xét xử vụ án hình sự nêu trên, bị cáo Trần Thị Hoàng A có đơn kháng cáo về phần hình phạt, không kháng cáo về phần dân sự nhưng bị cáo đã rút kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[9] Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên về phân trách nhiệm dân sự liên quan đến người bị hại ông Trần Đình T với nội dung nêu trên là không đúng pháp luật, bởi vì Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết tranh chấp về hợp đồng, quyết định buộc Công ty TNHH T2 phải trả cho ông Trần Đình T số tiền nhận cọc là 156.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 15.899.178 đồng, tổng cộng là 171.899.178 đồng; Bản án dân sự sơ thẩm không buộc bà Trần Thị Hoàng A trả tiền cho ông Trần Đình T. Mặt khác, Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã bị hủy và đình chỉ giải quyết vụ án. Hơn nữa, theo qui định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, trách nhiệm dân sự của bị cáo Trần Thị Hoàng A đối với ông Trần Đình T phải được xem xét cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Số

tiền 156.000.000 đồng bị cáo Trần Thị Hoàng A chiếm đoạt của ông Trần Đình T liên quan đến việc xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án hình sự nên không thể tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[10] Vì vậy, kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 22/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Trần Thị Hoàng A đối với ông Trần Đình T.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 4 Điều 343 và Điều 348, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 45/QĐ-VKS-DS ngày 10-5-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng,

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và đình chỉ giải quyết vụ án.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Cường

Nguyễn Tấn Long

Lê Tự

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học -TANDTC;
- Vụ I - TANDTC
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; GDKT II và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự

